TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KV 2 - LĐ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 161/2026/QĐST-HNGĐ	*LĐ, ngày 29 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 256/2026/TB-TLVA ngày 15 tháng 4 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn*: ông NXT, sinh năm: 1987; địa chỉ: tổ 6, thôn BH, xã HT, tỉnh LĐ;

- *Bị đơn:* bà LTL, sinh năm: 1991; địa chỉ: thôn TH, xã HT, tỉnh LĐ;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2026;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông NXT và bà LTL.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn giữa ông NXT và bà LTL.

2.2. Về con chung: ông NXT và bà LTL không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: ông NXT và bà LTL không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: ông NXT nhận chịu 150.000đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã tạm nộp theo biên lai thu số 0006796 ngày 15/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh LĐ; hoàn trả cho ông NXT 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí còn thừa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 76 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LĐ;
- VKSND Khu vực 2 – LĐ;
- THADS tỉnh LĐ;
- Đương sự;
- UBND xã HT, huyện ĐT, tỉnh LĐ (nay là xã HT, tỉnh LĐ) đăng ký kết hôn số 13 ngày 05/02/2024);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thanh Vũ

TAND KHU VỰC 2

MNW290426.TL.QDBA
1293